UỶ BAN NHÂN DÂN **HUYỆN QUẢNG NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 210 /TB-UBND	*Quảng Ninh, ngày 13 tháng 11 năm 2016*

THÔNG BÁO

Về việc giao quyền sử dụng đất ở không thông qua hình thức đấu giá trên địa bàn huyện Quảng Ninh năm 2016

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Công văn số 115/VPUBND-KTTH ngày 20/01/2015 của Văn phòng UBND tỉnh Quảng Bình về việc giá đất để đấu giá, giao đất không thông qua đấu giá;

Căn cứ Công văn số 606/UBND ngày 08/08/2016 của UBND huyện Quảng Ninh về việc thông báo giao QSD đất ngang giá khởi điểm đối với các thửa đất đưa ra đấu giá nhưng không có người tham gia;

Căn cứ biên bản về việc các thửa đất đưa ra thông báo bán đấu giá QSDĐ đợt 4 năm 2016 tại xã Xuân Ninh ngày 30/8/2016;

Căn cứ biên bản về việc các thửa đất đưa ra thông báo bán đấu giá QSDĐ đợt 4 năm 2016 tại xã Hàm Ninh ngày 31/8/2016;

Uỷ ban nhân dân huyện Quảng Ninh tiến hành thủ tục nhận hồ sơ giao quyền sử dụng đất ở (có thu tiền sử dụng đất) không thông qua đấu giá các thửa đất ở đã qua đấu giá nhưng không có người tham gia tại 2 xã: Xuân Ninh, Hàm Ninh huyện Quảng Ninh theo giá khởi điểm cụ thể:

+ Tại xã Xuân Ninh: 09 thửa; giá khởi điểm từ 91 triệu đồng đến 101 triệu đồng/thửa;

+ Tại xã Hàm Ninh: 23 thửa; giá khởi điểm từ 80 triệu đồng đến 167 triệu đồng/thửa;

- Kính mời các hộ gia đình, cá nhân trong nước có nhu cầu sử dụng đất trực tiếp đến Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Quảng Ninh đăng ký và làm thủ tục giao QSDĐ có thu tiền sử dụng đất không thông qua đấu giá các thửa đất nói trên.

- Thời gian đăng ký và làm thủ tục giao quyền sử dụng đất từ ngày thông báo, ưu tiên người đăng ký trước.

- Vị trí, diện tích, giá khởi điểm từng thửa đất được niêm yết tại Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Quảng Ninh và tại Trụ sở UBND các xã thôn có đất đưa ra giao đất ngang giá khởi điểm.

- Tiền cọc đặt trước: Nộp 15% giá khởi điểm của từng thửa đất.

- Địa điểm nộp hồ sơ giao đất: Tại trụ sở Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Quảng Ninh.

Mọi chi tiết xin liên hệ: Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Quảng Ninh và UBND các xã có đất đưa ra giao đất ngang giá khởi điểm. Số điện thoại: 0523 910 460.

Nơi nhận:
- Quỹ phát triển đất tỉnh QB;
- Thường trực huyện ủy;
- Thường trực HĐND;
- CT, Phó chủ tịch UBND huyện;
- VP HĐND & UBND huyện;
- Phòng Tài nguyên và Môi trường;
- Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện;
- Trung tâm PTQĐ huyện;
- Chi cục thuế huyện;
- Đài truyền hình Quảng Bình;
- Báo Quảng Bình;
- Đài truyền thanh huyện;
- Đăng trên website huyện;
- Đăng trên website tỉnh Quảng Bình;
- UBND xã,thị trấn;
- Lưu: VP.

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Ngọc Thụ

Phụ lục chi tiết

(Kèm theo thông báo số 810 /TB-UBND ngày 03 /11/2016 của UBND huyện Quảng Ninh)

TT	Vị trí thửa đất			Diện tích (m^2)	Giá khởi điểm (đồng)	Tiền đặt trước (đồng)	Lệ phí tham gia đấu giá (đồng)
	Thôn	Thửa	TBĐ				
1	Lộc Long	719	6	218,7	91.000.000	13.600.000	100.000
2	Lộc Long	720	6	219,6	91.000.000	13.600.000	100.000
3	Lộc Long	721	6	220,5	92.000.000	13.800.000	100.000
4	Lộc Long	722	6	221,3	92.000.000	13.800.000	100.000
5	Lộc Long	723	6	222,0	92.000.000	13.800.000	100.000
6	Lộc Long	724	6	223,1	93.000.000	13.900.000	100.000
7	Lộc Long	725	6	223,9	93.000.000	13.900.000	100.000
8	Lộc Long	738	6	242,1	100.000.000	15.000.000	100.000
9	Lộc Long	739	6	242,4	101.000.000	15.100.000	100.000
	TỔNG			**2.033,6**	**845.000.000**	**126.500.000**	**900.000**

Phụ lục chi tiết

(Kèm theo thông báo số 1107/TB-UBND ngày 03 /11/2016 của UBND huyện Quảng Ninh)

TT	Vị trí thửa đất			Diện tích (m^2)	Giá khởi điểm (đồng)	Tiền đặt trước (đồng)	Lệ phí tham gia đấu giá (đồng)
	Thôn	Thửa	TBĐ				
1	Hàm Hòa	571	4	254,2	80.000.000	12.000.000	100.000
2	Hàm Hòa	574	4	259,3	80.000.000	12.000.000	100.000
3	Hàm Hòa	577	4	259,6	80.000.000	12.000.000	100.000
4	Hàm Hòa	578	4	266,1	85.000.000	12.700.000	100.000
5	Trần Xá	867	14	276,5	167.000.000	25.000.000	100.000
6	Trần Xá	869	14	229,9	127.000.000	19.000.000	100.000
7	Trần Xá	870	14	229,9	127.000.000	19.000.000	100.000
8	Trần Xá	871	14	229,9	127.000.000	19.000.000	100.000
9	Trần Xá	872	14	229,9	127.000.000	19.000.000	100.000
10	Trần Xá	873	14	229,9	127.000.000	19.000.000	100.000
11	Trần Xá	874	14	229,9	127.000.000	19.000.000	100.000
12	Trần Xá	875	14	229,9	127.000.000	19.000.000	100.000
13	Trần Xá	877	14	229,9	127.000.000	19.000.000	100.000
14	Trần Xá	880	14	253,5	154.000.000	23.100.000	100.000
15	Trần Xá	882	14	277,3	95.000.000	14.200.000	100.000
16	Trần Xá	886	14	315,1	105.000.000	15.700.000	100.000
17	Trần Xá	288	10	241,2	127.000.000	19.000.000	100.000
18	Trần Xá	289	10	241,2	127.000.000	19.000.000	100.000
19	Trần Xá	291	10	236,7	121.000.000	18.100.000	100.000
20	Trần Xá	292	13	236,7	121.000.000	18.100.000	100.000
21	Trần Xá	293	13	241,2	127.000.000	19.000.000	100.000
22	Trần Xá	294	13	241,3	127.000.000	19.000.000	100.000
23	Trần Xá	295	13	260,4	115.000.000	17.200.000	100.000
TỔNG				**5.699,5**	**2.727.000.000**	**408.100.000**	**2.300.000**